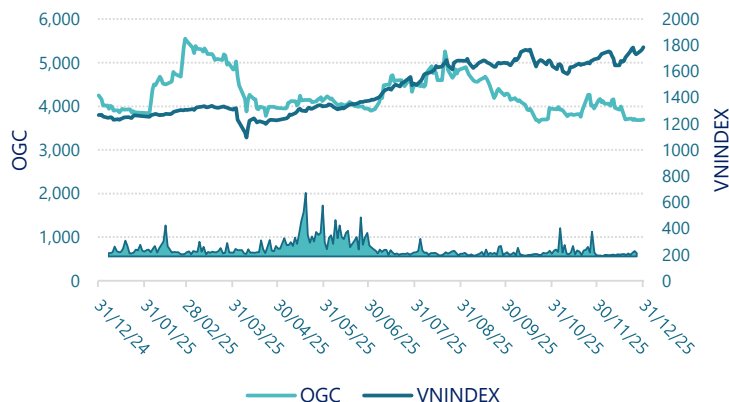




CTCP Tập đoàn Đại Dương (HSX: OGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,640
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	533,220
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,110
P/E	13.1
EPS	283

DT thuần

Q4/25

163

tỷ VNĐ

QoQ: ▼503 | -75.6%

YoY: ▲ 23.0 | 16.3%

LN sau thuế

Q4/25

-4.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼197 | -103%

YoY: ▼100 | -105%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

25.1%

+/- YoY: ▼ 10.2%

DT thuần

2025

1,141

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 134 | 13.3%

LN sau thuế

2025

143

tỷ VNĐ

YoY: ▼72.0 | -33.8%

ROE

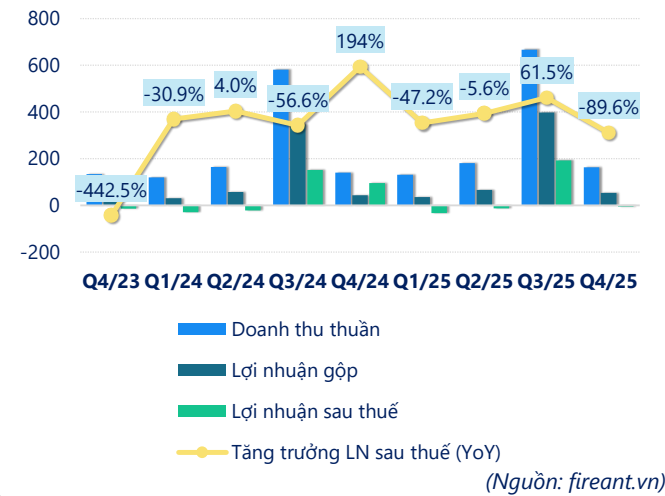
2025

4.7%

+/- YoY: ▼ 2.6%

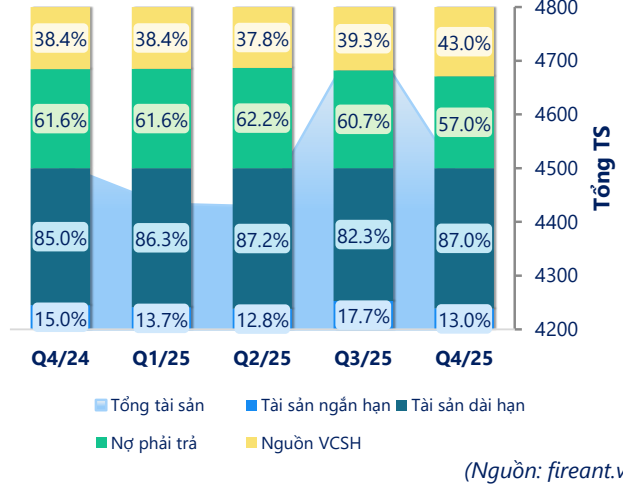
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

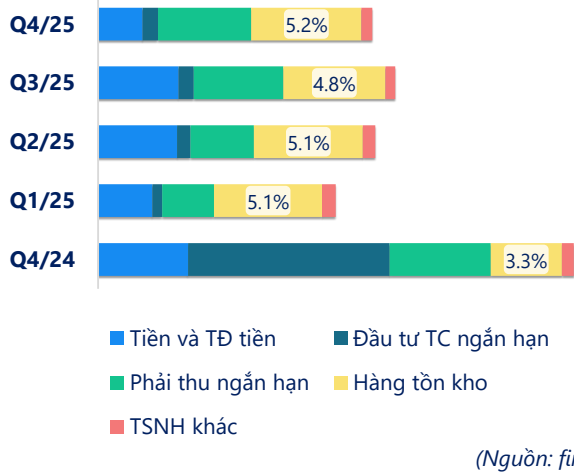


Cơ cấu Tổng tài sản

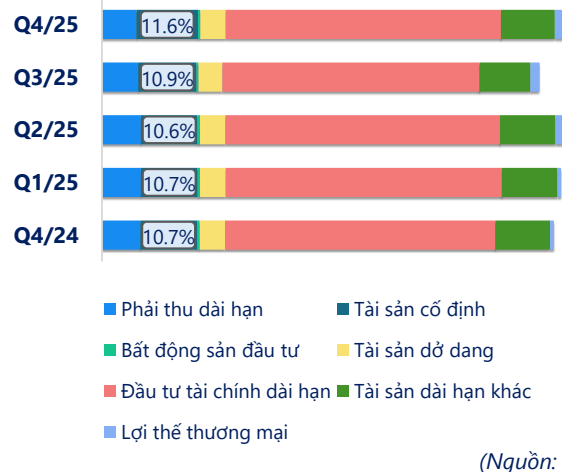
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

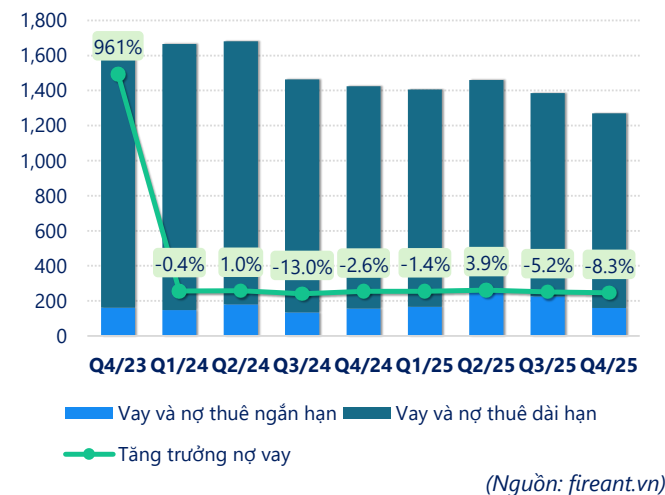


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



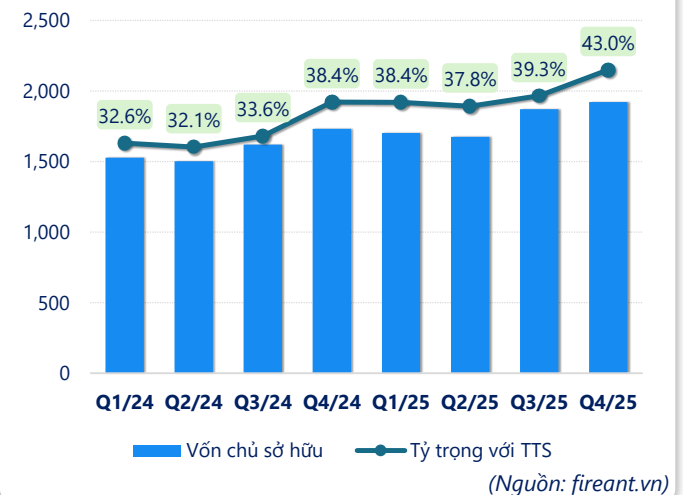
tỷ VNĐ

Nợ vay

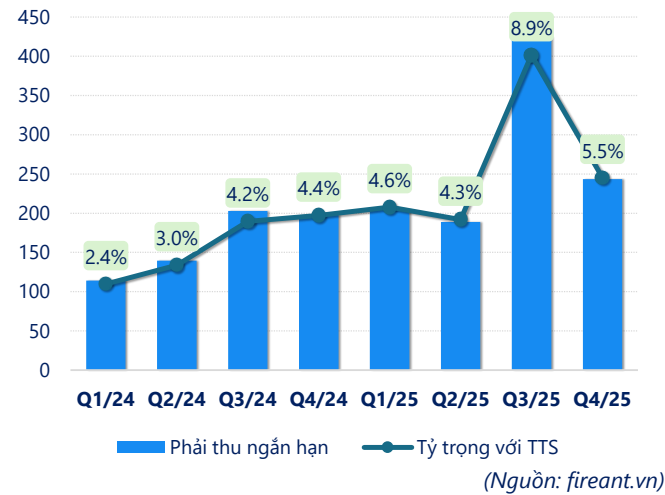


tỷ VNĐ

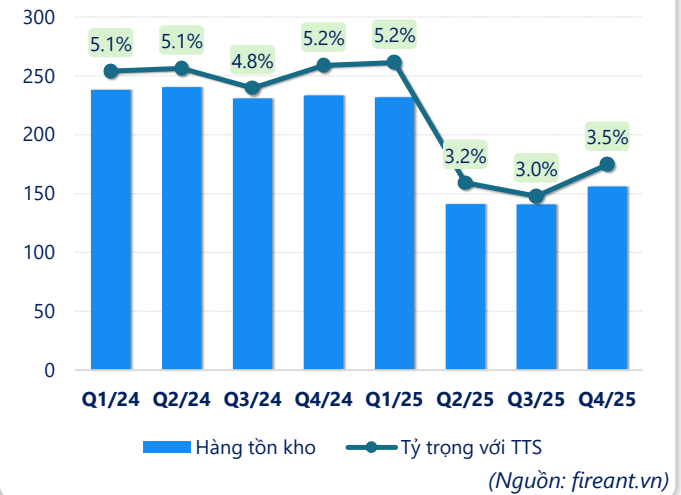
Vốn chủ sở hữu



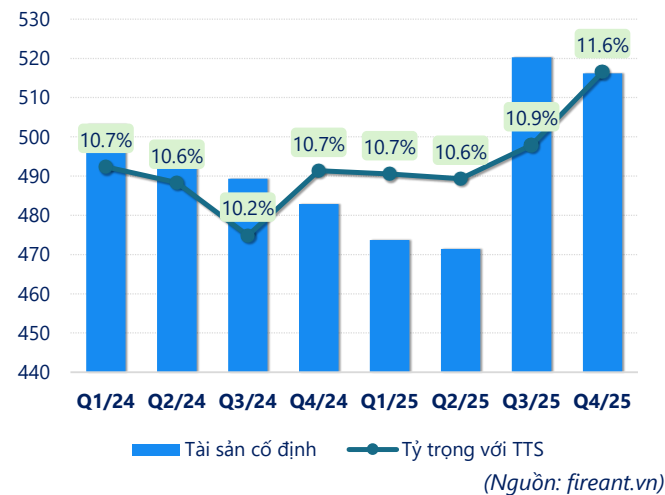
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


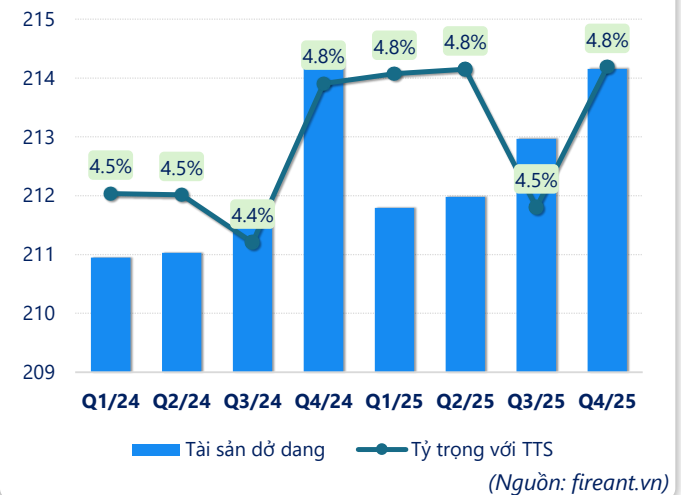
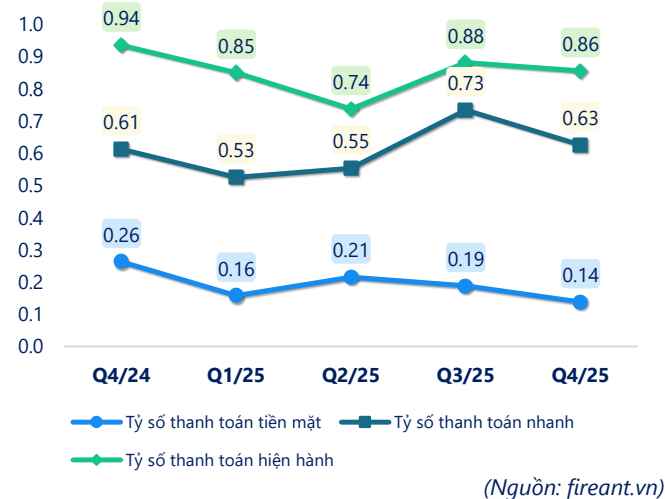
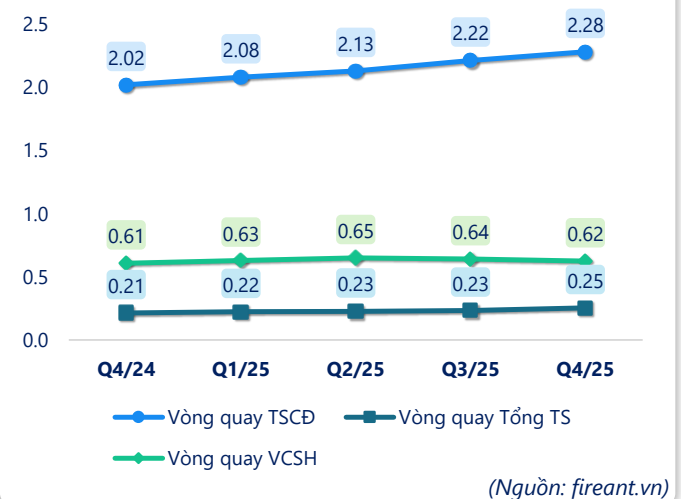
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,508	4,434	4,429	4,760	4,469
Tài sản ngắn hạn	678	606	565	842	581
Tiền và tương đương tiền	191	113	165	180	93.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.7	31.5	47.8	73.7	64.0
Phải thu ngắn hạn	197	205	189	425	244
Hàng tồn kho	233	232	141	141	156
Tài sản ngắn hạn khác	23.3	25.0	23.0	22.4	23.4
Tài sản dài hạn	3,830	3,828	3,863	3,919	3,888
Phải thu dài hạn	324	324	324	325	290
Tài sản cố định	483	474	471	520	516
Bất động sản đầu tư	21.2	20.9	20.6	20.3	20.0
Tài sản dở dang	214	212	212	213	214
Đầu tư tài chính dài hạn	2,293	2,304	2,287	2,301	2,314
Tài sản dài hạn khác	464	463	461	455	452
Lợi thế thương mại	30.7	30.9	87.1	84.4	81.7
Nợ phải trả	2,775	2,732	2,754	2,889	2,547
Nợ ngắn hạn	725	713	766	955	679
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	166	250	225	160
Phải trả người bán ngắn hạn	28.8	25.0	29.9	14.5	29.8
Nợ dài hạn	2,050	2,019	1,987	1,935	1,869
Vay và nợ thuê dài hạn	1,270	1,240	1,210	1,160	1,110
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,733	1,702	1,675	1,871	1,922
Vốn chủ sở hữu	1,733	1,702	1,675	1,871	1,922
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)